

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2 TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYỀN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2020 – 2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Thực hiện tuyển sinh theo Điều lệ trường mầm non: + Nhóm trẻ 25 – 36 tháng: 01 nhóm - Đảm bảo lớp học được lót sàn gỗ hoặc simili, diện tích các phòng đảm bảo cho số lượng trẻ. - Trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi cho trẻ. - Trường có sân chơi thoáng mát, có đầy đủ đồ chơi ngoài trời phục vụ cho trẻ trong các hoạt động. - Bếp thực hiện quy trình bếp một chiều, ký hợp đồng với các công ty thực phẩm sạch có nguồn gốc rõ ràng. Bếp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Chế độ ăn của trẻ được chế biến thay đổi thực đơn hàng ngày đảm bảo chất lượng về khẩu phần calo. - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. - Số lượng giáo viên: 03 + Chuẩn giáo viên: 01 Khá, 02 Tốt. + Hạng chức danh nghề nghiệp: 02 giáo viên hạng II, 01 giáo viên hạng III.	- Thực hiện tuyển sinh theo Điều lệ trường mầm non: + 3 – 4 tuổi: 03 lớp + 4 – 5 tuổi: 03 lớp + 5 – 6 tuổi: 03 lớp - Đảm bảo lớp học được lót sàn gỗ hoặc simili, diện tích các lớp học cho số lượng trẻ. - Các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các dụng cụ, đồ dùng. - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho các lớp, khu vực vận động và lịch hoạt động theo từng khu vực. - Trường có sân chơi thoáng mát, có đầy đủ đồ chơi ngoài trời phục vụ cho trẻ trong các hoạt động. - Bếp thực hiện quy trình bếp một chiều, ký hợp đồng với các công ty thực phẩm sạch có nguồn gốc rõ ràng. Bếp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Chế độ ăn của trẻ được chế biến thay đổi thực đơn hàng ngày đảm bảo chất lượng về khẩu phần calo. - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. - Số lượng giáo viên: 19 + Chuẩn giáo viên: 07 Khá, 12 Tốt.

			+ Hạng chức danh nghề nghiệp: 05 giáo viên hạng IV, 07 giáo viên hạng III, 07 giáo viên hạng II. - 03 giáo viên đang theo học lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. - 05 giáo viên đang học liên thông từ Trung cấp lên Đại học. - 01 giáo viên đang học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT).	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT).
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ được khám sức khỏe và tẩy giun tại trường 2 lần/năm. - 100% trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ. - Đạt 85% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - Trẻ được phát triển toàn diện về các lĩnh vực: Nhận thức, ngôn ngữ, thể chất, tình cảm xã hội. Đặc biệt ở lứa tuổi nhà trẻ là phát triển cho trẻ kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng trong ngôn ngữ nói,... Qua đó hình thành cho trẻ những thói quen hành vi tốt trong giao tiếp, trong cuộc sống. Trẻ biết kính trọng người lớn, lễ phép, biết nhận vật bằng hai tay, biết chào khách, biết giữ vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định,...	- Trẻ được khám sức khỏe và tẩy giun tại trường 2 lần/năm. - 100% trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ. - Đạt 90% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - Trẻ được phát triển toàn diện về các lĩnh vực: Nhận thức, ngôn ngữ, thể chất, xúc cảm tình cảm xã hội, thẩm mỹ. Đặc biệt ở lứa tuổi Mẫu Giáo là tiếp tục phát triển cho trẻ những hành vi chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống bên ngoài xã hội, bên cạnh đó rèn luyện cho trẻ những kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ cho chính bản thân mình, phát triển cho trẻ khả năng diễn đạt ngôn ngữ một cách trọn vẹn. Tạo cho trẻ cơ hội tự khám phá, trải nghiệm tìm hiểu những sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, rèn luyện phát triển ở trẻ tính kiên trì khéo léo, sáng tạo, tính mạnh dạn tự tin. Hình thành ở trẻ những thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày, khả năng giao tiếp với mọi người xung quanh để trẻ có sự nhận thức đúng đắn, tự thể hiện hành vi

			của mình qua hành động: Biết chào khách, giữ vệ sinh cá nhân, lễ phép với người lớn, biết cảm ơn xin lỗi, biết nhận vật bằng hai tay, biết giúp cô giúp bạn, biết giữ vệ sinh chung,...
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	- Trang bị đồ dùng bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng internet toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.	- Trang bị đồ dùng bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng internet toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYÊN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	235			22	62	73	78
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	235			22	62	73	78
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	235			22	62	73	78
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	235			22	62	73	78
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	173			20	53	56	44
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3				1	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	231			21	62	73	75
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	4			1			3
5	Số trẻ thừa cân béo phì	59			2	8	16	33
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	235			22	62	73	78
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	22			22			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	213				62	73	78

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	23	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2,387 m ²	10,1 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	403 m ²	1,7 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	521,8 m ²	2,2 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Sử dụng chung với phòng sinh hoạt	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	168,48 m ²	0,7 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	211,8 m ²	0,9 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	69,56 m ²	0,3 m ²
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	124,08 m ²	0,5 m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	85 m ²	0,36 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	01
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính: 10, máy chiếu: 01, máy ảnh kỹ thuật số: 01 cái v.v...)	12	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Ti vi	13	01
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	37 (30 đàn organ, 03 Guitare, 04 Mandoline)	
3	Máy photocopy	01	
5	Casset	07	
6	Đầu Video/đầu đĩa	06	
7	Máy lạnh	10	01
8	Đồ chơi ngoài trời	17 bộ	
9	Bàn ghế đúng quy cách	80 bàn, 300 ghế đúng quy cách (đang sử dụng)	Theo số lượng cháu ở mỗi lớp
10	Thiết bị khác...	01 hệ thống loa phát thanh	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	10		0,7	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

** Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYỀN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35			17	05	07	06				17	08		
I	Giáo viên	22			14	03	05		05	08	09	14	08		
1	Nhà trẻ	03			03					01	02	02	01		
2	Mẫu giáo	19			11	03	05		05	07	07	12	07		
II	Cán bộ quản lý	03			03						03	03			
1	Hiệu trưởng	01			01						01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02	02			
III	Nhân viên	10			01	02	01	06							
1	Nhân viên văn thư	01				01									
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01				01									
5	Nhân viên khác	07					01	06							